

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **33/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 29 - 8 - 2024

*V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tôn Thị Thanh Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Ngoan

2. Ông Mạch Bửu Bửu .

- Thư ký phiên tòa: Ông Kim Mộc Nam - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2024 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **147/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2024**, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Ú, sinh năm 1986. HKTT: Số A, đường N, Phường A, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Tạm trú: Số A - 146, đường P, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Thái Tấn G, sinh năm 1981. HKTT: Số G, đường N, Phường A, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Địa chỉ hiện nay: 32 Gannet st, Inala QLD 4077, A (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/5/2024, nguyên đơn bà Trần Thị Ú trình bày: Bà và ông Thái Tấn G quen biết, có tình cảm và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường A1, thành phố S cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 10/7/2007. Sau khi kết hôn cả hai chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng kể từ năm 2014 đến năm 2019 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng trong tính cách và quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Đã nhiều lần vợ chồng hòa giải nhưng không thể hàn gắn được. Đến đầu tháng 02/2020 thì ông G đã về nhà mẹ ruột ở, không còn chung sống với bà. Trong thời gian chung sống thì bà và ông G có với nhau hai người con

là Thái Tú N, sinh ngày 18/4/2008 và Thái Phú H, sinh ngày 07/12/2012 các con đều do bà nuôi dưỡng từ bé. Tuy nhiên, đến ngày 25/8/2023 cháu Thái Tú N sang Úc du học theo thư mời của T: Education Queensland International ở Australia và ông Thái Tấn G đã được nhà trường nơi cháu N theo học mời sang Úc để làm người giám hộ cho cháu trong suốt các năm học tại Úc với sự đồng ý của bà. Riêng cháu Thái Phú H hiện sang sống với bà. Nay nhận thấy hôn nhân giữa bà và ông Thái Tấn G không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Thái Tấn G.

- *Về con chung*: Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thái Phú H, sinh ngày 07/12/2012 cho đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông Thái Tấn G cấp dưỡng nuôi con. Bà Trần Thị Ú đồng ý giao con chung là cháu Thái Tú N, sinh ngày 18/4/2008 cho ông Thái Tấn G trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, bà yêu cầu không cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Bà và ông Thái Tấn G tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung và trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hiện nay bà bận nhiều công việc nên không có thời gian lên dự phiên tòa nên bà xin vắng trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án này, bà cam kết không khiếu nại gì về sau.

Theo văn bản trả lời thông báo thụ lý vụ án đề ngày 11/6/2024 ông Thái Tấn G trình bày: Về thời gian kết hôn, mâu thuẫn gia đình cũng như thời gian vợ chồng ly thân theo lời trình bày của bà Ú là đúng. Nay ông nhận thấy cuộc hôn nhân của ông và bà Ú không thể kéo dài, mục đích hôn nhân cũng không đạt được như mong muốn. Vì vậy, ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Ú. Về con chung có hai con là Thái Tú N, sinh ngày 18/4/2008 và Thái Phú H, sinh ngày 07/12/2012 các cháu từ nhỏ đều do bà Ú trực tiếp nuôi dưỡng đến ngày 25/8/2023 thì cháu Tú N đã sang nước Úc du học và ông cũng được Nhà T mời sang Úc để giám hộ cho cháu N trong suốt quá trình cháu học tại Úc với sự đồng ý của bà Ú. Riêng cháu Thái Phú H hiện nay thì đang sống với bà Trần Thị Ú tại số nhà S - 146, đường P, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng nên ông đồng ý giao cháu Thái Phú H, sinh ngày 7/12/2012 cho bà Trần Thị Ú được trực tiếp nuôi dưỡng, đối với cháu Thái Tú N, sinh ngày 18/4/2008 ông xin được trực tiếp nuôi đến 18 tuổi và ông thống nhất với ý kiến bà Ú là ông và bà Ú không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung thì ông và bà Ú tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung không có. Do hiện nay ông đang ở nước Úc nên yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt ông.

Về ý kiến của con trên 07 tuổi và chưa thành niên: Cháu Thái Phú H, sinh ngày 07/12/2012 có nguyện vọng được sống với mẹ nếu cha mẹ ly hôn với nhau và cháu Thái Tú N ngày 18/4/2008, do ngày 22/9/2023 cha cháu là ông Thái Tấn G đã được nhà trường nơi cháu theo học mời sang Úc làm người giám hộ cho cháu nên cháu xin được ở với cha khi cha mẹ ly hôn với nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Theo đơn khởi kiện nguyên đơn Trần Thị Ú yêu cầu được ly hôn với bị đơn Thái Tấn G; nguyên đơn có yêu cầu nuôi con; về tài sản chung, nợ chung và trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án thụ lý vụ án xác định quan hệ pháp luật giải quyết là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Trong vụ án có đương sự cư trú ở nước ngoài nên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn bà Trần Thị Ú có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[3] Bị đơn ông Thái Tấn G là người Việt Nam đang sinh sống đang sinh sống ở Australia và có địa chỉ 32 Gannet st, I, Australia. Sau khi thụ lý vụ án ông Thái Tấn G đã có văn bản ý kiến và có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ú và ông Thái Tấn G là những người có đủ điều kiện kết hôn, hai người đã tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường A1, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10/7/2007 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Ú và ông G là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn và vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2020. Do tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên bà Ú yêu cầu ly hôn với ông G. Sau khi nhận thông báo thụ lý vụ án của Tòa án ông G đã có văn bản gửi Tòa án thông nhất ly hôn theo yêu cầu của bà Ú và cũng không về Việt Nam tham gia hòa giải để tìm biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ cơ sở trên cho thấy, cuộc sống vợ chồng của bà Ú và ông G không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng đã thật sự không còn, mục đích hôn nhân không tồn tại, nếu duy trì hôn nhân sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của mỗi người. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ú xin được ly hôn với ông Thái Tấn G là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về con chung: Bà Trần Thị Ú và ông Thái Tấn G có với nhau hai con chung là cháu Thái Tú N, sinh ngày 18/4/2008 và Thái Phú H, sinh ngày 07/12/2012. Bà Ú và ông G đều thống nhất cháu H sống với bà Ú và cháu N sẽ tiếp tục sống cùng ông G và ông G, bà Ú không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện nay cháu Thái Tú N đang sống cùng ông G tại Úc, còn cháu Thái Phú H đang sống với bà Ú tại Việt Nam. Ông G bà Ú cũng thống nhất mỗi người nuôi một

cháu như hiện nay và hai bên không phải cấp dưỡng cho nhau khi nuôi con và cũng phù hợp với nguyện vọng của các con khi cha mẹ ly hôn nên Hội đồng xét xử chấp nhận và ghi nhận sự tự nguyện này của các đương sự giao cháu Thái Tú N, sinh ngày 18/4/2008 cho ông Thái Tấn G nuôi đến khi cháu tròn 18 tuổi và giao cháu Thái Phú H, sinh ngày 07/12/2012 cho bà Trần Thị Ú nuôi đến khi cháu tròn 18 tuổi. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và nuôi dưỡng con chung cho ông G, bà Ú không ai có quyền ngăn cản.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Do các đương sự đều có khả năng kinh tế và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về tài sản chung, nợ chung và trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn: bà Trần Thị Ú không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: bà Trần Thị Ú phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153, khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 1 Điều 273, Điều 280; điểm d khoản 1 Điều 469, điểm a khoản 5 Điều 477 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 58; khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ú được ly hôn với ông Thái Tấn G.
- Về con chung: Giao cháu Thái Phú H, sinh ngày 07/12/2012 cho bà Trần Thị Ú trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (tròn 18 tuổi). Giao cháu Thái Tú N, sinh ngày 18/4/2008 cho ông Thái Tấn G trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (tròn 18 tuổi). Dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho ông G, bà Ú không ai có quyền ngăn cản.
- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Thái Tấn G và bà Trần Thị Ú không phải cấp dưỡng nuôi con. Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết vì có đủ khả năng kinh tế nuôi con.
- Về tài sản chung, nợ chung và trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: bà Trần Thị Ú phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu 0002935 ngày 03/6/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà Trần Thị Ú đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Trần Thị Ú cư trú tại Việt Nam và không có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử vụ án theo trình tự phúc thẩm. Đối với đương sự cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- UBND thành phố Sóc Trăng;
- Lưu Tòa HNGĐ&NCTN;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Tôn Thị Thanh Thúy